TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 8 – 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quốc.

2. Ông Tạ Kỳ Trung.

- Thư ký phiên toà: ông Trần Thế Sự – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **L. N. P**, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp BL, xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: anh **N. V. C**, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp B, xã C, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị L. N. P trình bày:

Chị và anh N. V. C chung sống từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Trảng Bàng (nay là xã C1, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, chị và anh C sống chung với cha mẹ anh C, đến khoảng năm 2019 vợ chồng xây nhà và ra ở riêng. Chị và anh C chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình của anh C gia trưởng, hay nghi ngờ, ghen tuông, không tin tưởng chị về tình cảm và thường xuyên kiểm soát chị về giờ giấc cũng như các mối quan hệ xã hội. Thời gian khoảng từ năm 2019 đến năm 2020 chị có nộp đơn ly hôn một lần nhưng

anh C năn nỉ, xin cơ hội để khắc phục khuyết điểm nên chị đã rút đơn khởi kiện (chị chưa nộp tiền tạm ứng án phí). Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn khởi kiện thì anh C vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Đến tháng 9/2022, chị và anh C cãi nhau, tinh thần chị không ổn định và không suy nghĩ kỹ nên chị đã viết giấy để con lại cho anh C và ra ngoài thuê nhà trọ đi làm công nhân tại phường An Tịnh. Khoảng hơn một tháng sau thì chị về nhà cha mẹ ruột làm ăn, sinh sống. Đến ngày 25/12/2022 âm lịch, chị đón con về nuôi dưỡng và chuyển trường cho con về học tại trường tiểu học BL, xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Nay chị nhận thấy, giữa chị và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, vợ chồng cũng không còn yêu thương và tôn trọng nhau nên không thể hàn gắn tình cảm được. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: chị P và anh C có 01 người con chung tên N. M. Q, sinh ngày 06/10/2016, hiện đang sống chung với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị P không đồng ý giao con cho anh C nuôi dưỡng vì anh C làm tài xế, có ngày vẫn phải làm ca đêm nên không đảm bảo thời gian chăm sóc và đưa rước con đi học.

Về tài sản chung: chị P và anh C có tài sản chung là tiền mặt 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng hiện đang do anh C quản lý. Khi ly hôn, chị P yêu cầu chia đôi số tiền 180.000.000 đồng trên. Anh C đang giữ tiền nên chị yêu cầu anh C giao lại cho chị 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – anh N. V. C trình bày:***

Anh C thống nhất lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân và con chung là đúng. Trong quá trình chung sống, anh và chị P có mâu thuẫn về vấn đề tình cảm do anh có nghe dư luận phản ánh, cho rằng chị P có quan hệ tình cảm với người khác. Ngoài ra, chị P còn ẩn tin nhắn "Zalo" khiến cho anh phải nghi ngờ, ghen tuông nên thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra cãi vã. Tháng 9/2022, chị P bỏ nhà đi và viết giấy để con lại cho anh nuôi dưỡng. Từ lúc chị P bỏ nhà đi cho đến nay, anh đã tìm mọi cách liên lạc với chị P để kêu chị P quay về nhưng chị P luôn tìm cách né tránh hoặc chặn liên lạc của anh và không đồng ý rút đơn ly hôn. Bản thân anh vẫn còn thương vợ nhưng anh thương con nhiều hơn, anh muốn con anh được sống với cả cha và mẹ nên nay anh không đồng ý ly hôn với chị P. Anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ. Bản thân anh sẽ cố gắng thay đổi khuyết điểm để vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Về con chung: trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên N. M. Q, sinh ngày 06/10/2016, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Anh C không đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng vì chị P không có nhà riêng, thu nhập không ổn định. Ngoài ra, chị P cũng không đủ tư cách đạo đức để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Về tài sản chung: anh C xác nhận, anh và chị P có tài sản chung là số tiền 180.000.000 đồng nhưng khi chị P bỏ đi anh không có tiền nên đã sử dụng hết. Nay anh C đồng ý giao lại cho chị P số tiền 90.000.000 đồng nhưng xin trả dần trong thời gian vài năm.

Về nợ chung: anh C và chị P không có nợ chung với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Không có ai khác nợ lại vợ chồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị L. N. P đối với anh N. V. C. Về con chung, giao cháu N. M. Q, sinh ngày 06/10/2016 cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: anh C có nghĩa vụ giao lại cho chị P ½ tài sản chung là số tiền 90.000.000 đồng. Về nợ chung: không đặt ra giải quyết. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P, anh C chung sống từ năm 2015, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị P trình bày chị và anh C chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh C hay nghi ngờ, ghen tuông, không tin tưởng chị về tình cảm. Anh C cũng thừa nhận bản thân anh có ghen tuông cho rằng chị P có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, bất hòa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị P và anh C là có thật. Chị P đã từng nộp đơn ly hôn sau đó lại rút đơn khởi kiện nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Lý do anh C không muốn ly hôn với chị P là do anh thương con, anh muốn con anh có cả cha và mẹ. Đến thời điểm hiện tại, bản thân anh C vẫn không tin tưởng chị P về tình cảm. Mâu thuẫn giữa chị P và anh C đã kéo dài từ năm 2021 cho đến nay nhưng anh, chị không tìm được giải pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Chị P và anh C cũng không còn sống chung một nhà từ tháng 9/2022 cho đến nay. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân của chị P và anh C đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 01 người con chung tên N. M. Q, sinh ngày 06/10/2016, hiện đang sống chung với chị P. Xét yêu cầu được nuôi con của chị P và anh C thấy rằng: anh C hiện làm tài xế, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Anh C hiện có nhà riêng và sống bên cạnh nhà cha, mẹ ruột, thời gian làm việc theo giờ hành chính, thỉnh thoảng có làm ca đêm. Chị P đang sống chung nhà với cha me ruột và vợ chồng người em út. Công việc của chị P là phụ cha mẹ làm bánh tráng, trồng rau màu, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc tự do. Như vậy, cả anh C và chị P đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, cháu Q đang sống ổn định với chị P từ cuối tháng 12/2022 âm lịch cho đến nay và hiện cháu Q đang học tại trường tiểu học BL thuộc xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian cháu Q sống với chị P tình trạng sức khỏe của cháu Q vẫn phát triển bình thường, bản thân chị P và người thân của chị P không có hành vi gì ngược đãi cháu Q. Qua xác minh tại nơi cháu Q đang theo học thể hiện từ lúc cháu Q chuyển về trường tiểu học BL thì tâm sinh lý của cháu Q vẫn phát triển bình thường, hòa nhập tốt với trường mới và bạn bè mới, cuối năm đạt học lực khá. Như vậy, trên cơ sở căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu Q cũng như tránh xáo trộn môi trường sống của cháu Q cần giao cháu Q cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: chị P và anh C thống nhất vợ chồng có tài sản chung là số tiền 180.000.000 đồng. Sau khi chị P bỏ nhà đi, anh C là người quản lý số tiền 180.000.000 đồng này. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, anh C đồng ý chia cho chị P ½ tài sản chung tương đương số tiền 90.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh C xin được trả dần trong thời gian vài năm nhưng chị P không đồng ý. Xét thấy, đây là vấn đề là thuộc giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Đối với số tiền 90.0000.000 đồng chia cho anh C, Hội đồng xét xử ghi nhận anh C là người đã quản lý và có quyền sử dụng.

[5] Về nợ chung: chị P, anh C trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí:

[6.1] Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, chị P và anh C đã tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung là số tiền 180.000.000

đồng, cụ thể, mỗi người hưởng 90.000.000 đồng nên chị P và anh C chỉ phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà chị P, anh C được chia theo điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Án phí được tính như sau: (90.000.000 đồng x 5%) : 2 = 2.250.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

[6.3] Như vậy, chị P phải chịu 2.550.000 (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh C phải chịu 2.250.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 59, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị L. N. P đối với anh N. V. C. Chị L. N. P được ly hôn với anh N. V. C.

2. Về con chung: giao cháu N. M. Q, sinh ngày 06/10/2016 cho chị L. N. P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. N. P đối với anh N. V. C về việc yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 180.000.000 đồng.

Anh N. V. C có nghĩa vụ trả cho chị L. N. P số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về nợ chung: chị P, anh C trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Chị P phải chịu 2.550.000 (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 2.550.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0026974 ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Toà án số 0027095 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị P đã nộp đủ án phí.

5.2. Anh C phải chịu 2.250.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: chị P, anh C được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND T.Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân xã C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Yến